

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ MINH TÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/NQ-HĐND

Minh Tân, ngày 22 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương
xã Minh Tân năm 2025 sau sắp xếp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MINH TÂN
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-TTg ngày 27/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 27/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 15/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách Trung ương các Bộ, cơ quan Trung ương sau sắp xếp và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2025 (Kinh phí hoạt động của các chi cục quản lý thị trường tại địa phương);

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định dự toán ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Minh Tân về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Minh Tân năm 2025 sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nguyên tắc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Minh Tân năm 2025 sau sắp xếp

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương xã Minh Tân sau sắp xếp được giữ ổn định và hợp nhất nguyên trạng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương đã được HĐND cấp huyện và HĐND cấp xã của 02 xã trước sắp xếp quyết định.

2. Việc phân chia nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã sau sắp xếp giữ ổn định theo phạm vi địa bàn hành chính theo quy định tại các Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đã được HĐND tỉnh Nam Định trước sắp xếp quy định.

3. Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách giao cho các cơ quan, đơn vị theo nguyên tắc cơ bản đảm bảo nguồn thu, nhiệm vụ chi theo dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó, dự toán chi được giao dựa trên căn cứ tình hình thực tế nhiệm vụ của các đơn vị dự toán cấp I bao gồm: Văn phòng Đảng ủy xã, Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã, Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hóa – xã hội xã và Trung tâm phục vụ hành chính công xã. Đồng thời bổ sung thêm dự toán của các cơ quan, đơn vị và dự toán của các nhiệm vụ thuộc cấp huyện chuyển về xã như: Dự toán của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Dự toán kinh phí bảo trợ xã hội.

4. Đối với dự toán đầu tư công năm 2025: Tiếp nhận toàn bộ và nguyên trạng các kế hoạch đầu tư công năm 2025 của 02 xã trước sắp xếp theo các Nghị

quyết của HĐND cấp huyện và HĐND cấp xã của 02 xã trước sắp xếp đã phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, UBND xã xem xét, quyết định phân bổ, giao dự toán chi theo quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất..

Điều 2. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã Minh Tân năm 2025 sau sắp xếp như sau:

- | | |
|--|---------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước: | 366.752 triệu đồng. |
| Trong đó: | |
| - Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: | 276.391 triệu đồng; |
| - Dự toán thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh: | 25.548 triệu đồng; |
| - Dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh: | 64.813 triệu đồng. |
| 2. Dự toán thu ngân sách địa phương: | 100.655 triệu đồng. |
| 3. Dự toán chi ngân sách địa phương: | 100.655 triệu đồng. |
| 4. Bội thu ngân sách địa phương: | 0 triệu đồng. |
| 5. Bội chi ngân sách địa phương: | 0 triệu đồng. |

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết và giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho từng cơ quan, đơn vị cấp xã; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Hội đồng nhân dân xã về tính chính xác của số liệu trong Nghị quyết và Phụ lục kèm theo.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Minh Tân khóa XXI, Kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 22/8/2025 và có hiệu lực kể từ ngày 22/8/2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh Ninh Bình;
- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính;
- Đảng ủy xã; TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Ủy ban MTQTVN xã;
- Các cơ quan, ban, ngành của xã;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Hoàng Tùng

Biểu số 01

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu thu	Dự toán tỉnh giao	Dự toán xã giao	Phần NSX được điều tiết
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (I+ II)	366.752	366.752	100.655
I	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	276.391	276.391	10.294
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý			
1	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	97	97	
2	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ NQD	2.040	2.040	220
3	Lệ phí trước bạ	4.530	4.530	301
4	Thuế SD đất phi nông nghiệp	210	210	147
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.010	1.010	707
6	Thu tiền-thuê mặt đất, mặt nước	100	100	30
7	Thu tiền sử dụng đất, trong đó:	267.235	267.235	7.720
7.1	Tiền đầu đất theo kế hoạch hàng năm	25.733	25.733	7.720
7.2	Tiền đầu khu (điểm) dân cư tập trung	241.502	241.502	
8	Thu phí và lệ phí	90	90	90
9	Thu khác ngân sách	554	554	554
10	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	525	525	525
II	Số bổ sung từ ngân sách tỉnh	90.361	90.361	90.361
1	Số bổ sung cân đối	25.548	25.548	25.548
2	Số bổ sung mục tiêu	64.813	64.813	64.813

Biểu số 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
	TỔNG CHI (A+B)	100.655
A	Chi cân đối ngân sách xã (I+II+III)	35.842
I	Chi xây dựng cơ bản	7.720
1	Chi XD CB từ nguồn tiền đất	7.720
II	Chi thường xuyên	27.405
1	Chi sự nghiệp kinh tế	755
a	Chi sự nghiệp nông lâm, thủy lợi	400
b	Chi sự nghiệp giao thông	250
c	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	-
d	Chi sự nghiệp kinh tế khác	105
2	Chi sự nghiệp khoa học	-
3	Chi sự nghiệp môi trường	329
4	Chi sự nghiệp giáo dục	308
5	Chi sự nghiệp đào tạo	88
6	Chi sự nghiệp Y tế	81
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	90
8	Chi sự nghiệp phát thanh, TH	100
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30
10	Chi đảm bảo xã hội	1.130
11	Chi quản lý hành chính	21.214
12	Chi an ninh	1.930
13	Chi quốc phòng	1.300
14	Chi khác ngân sách	50
III	Dự phòng ngân sách	717
B	Chi mục tiêu để thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, nhiệm vụ từ ngân sách tỉnh (I+II+III)	64.813
I	Kinh phí bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục (các trường học: MN, TH, THCS)	61.707
II	Kinh phí bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	2.118
III	Kinh phí tăng biên chế của giáo viên	988

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	100.655
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	10.294
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.930
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	8.364
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	90.361
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	25.548
2	Thu bổ sung có mục tiêu	64.813
3	Thu bổ sung thực hiện tiền lương	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	
B	TỔNG CHI NSDP	100.655
I	Tổng chi cân đối NSDP	35.842
1	Chi đầu tư phát triển	7.720
2	Chi thường xuyên	27.405
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Dự phòng ngân sách	717
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	64.813
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	64.813
III	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
C	BỘI THU NSDP	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	
I	Vay để bù đắp bội chi	
II	Vay để trả nợ gốc	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	3	4
	TỔNG THU NSNN (A+B+C+D)	366.752	100.655
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	276.391	10.294
I	Thu nội địa	276.391	10.294
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	97	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.040	220
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.010	707
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	4.530	301
8	Thu phí, lệ phí	90	90
-	Phí và lệ phí trung ương		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210	147
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	100	30
12	Thu tiền sử dụng đất	267.235	7.720
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	554	554
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	525	525
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức		
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước		
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
B	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	90.361	90.361
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	25.548	25.548
2	Thu bổ sung có mục tiêu	64.813	64.813
3	Thu bổ sung thực hiện tiền lương		
C	Thu chuyển nguồn		
D	Thu kết dư		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	2
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C)	100.655
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	35.842
I	Chi đầu tư phát triển	7.720
1	Chi đầu tư cho các dự án	7.720
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7.720
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	27.405
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	396
2	Chi khoa học và công nghệ	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
V	Dự phòng ngân sách	717
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	64.813
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	64.813
1	Kinh phí bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021	2.118
2	Kinh phí bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp Giáo dục	61.707
3	Kinh phí tăng biên chế giáo viên	988
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

Biểu số 06

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

Đơn vị: Triệu đồng

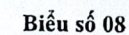
STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	3
I	Nguồn thu ngân sách	100.655
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	10.294
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	90.361
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	25.548
-	Thu bổ sung có mục tiêu	64.813
-	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	
II	Chi ngân sách	100.655
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	100.655
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương và thực hiện một số chế độ, chính sách
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	100.655	100.655					
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	27.405	27.405					
1	Văn phòng Đảng ủy xã	2.938	2.938					
2	Văn phòng HĐND và UBND xã	17.591	17.591					
3	Phòng Kinh tế	1.968	1.968					
4	Phòng Văn hóa - Xã hội	2.353	2.353					
5	Trung tâm phục vụ hành chính công	635	635					
6	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	1.870	1.870					
7	Chi hỗ trợ khác	50	50					
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY							
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH							
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	717	717					
V	CHI TỪ NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	64.813	64.813					
1	Kinh phí bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục (các trường học: MN, TH, THCS)	61.707	61.707					
2	Kinh phí bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của CP	2.118	2.118					
3	Kinh phí tăng biên chế của giáo viên	988	988					
VI	CHI ĐẦU TƯ XDCB TỪ TIỀN ĐẤT	7.720	7.720					



(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

Biểu 09

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO CÁC TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 74/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Minh Tân)

ĐVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	KINH PHÍ TĂNG BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN	TỔNG CỘNG
A	B	1	2	3=1+2
1	Mầm non Cộng Hòa	3.171	68	3.240
2	Mầm non Minh Tân	4.176	260	4.436
3	Mầm non Tân Khánh	4.379		4.379
4	Mầm non Minh Thuận	5.430	328	5.759
5	Tiểu học Cộng Hòa	6.073		6.073
6	Tiểu học Minh Tân	4.994		4.994
7	Tiểu học Tân Khánh	5.696		5.696
8	Tiểu học Minh Thuận	7.525	332	7.856
9	THCS Cộng Hòa	5.075		5.075
10	THCS Minh Tân	3.916		3.916
11	THCS Tân Khánh	4.770		4.770
12	THCS Minh Thuận	5.943		5.943
13	Chi tăng, giảm biên chế	559		559
Tổng cộng		61.707	988	62.695